

Số: **07/QĐ-UBND**

Quảng Ngãi, ngày **07** tháng **01** năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt **Đề án** hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015) trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số **33/2015/QĐ-TTg** ngày **10/8/2015** của Thủ tướng Chính phủ

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số: 309
	Ngày: 08/01/16
	Chuyên:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2);

Thực hiện Công văn số 1881/BXD-QLN ngày 24/8/2015 của Bộ Xây dựng về việc triển khai thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2093/TTr-SXD ngày 24/12/2015 về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015) trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ (có Đề án kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các sở, ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Ban Dân tộc và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Đề án đạt kết quả.

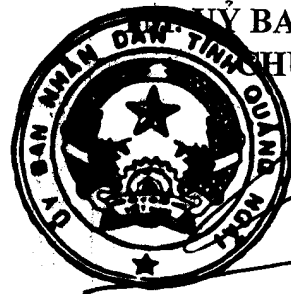
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và

Truyền thông, Ngân hàng Chính sách xã hội – Chi nhánh Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các sở, ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các Bộ: Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- VPUB: PVP, KTTH, VX, CB;
- Lưu: VT, CNXD.tlsáng.6



Trần Ngọc Căng

ĐỀ ÁN

**Hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015)
trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của
Thủ tướng Chính phủ
(Kèm theo Quyết định số ~~07~~⁰⁷/QĐ-UBND ngày ~~07~~⁰⁷/01/2016
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)**

I. MỞ ĐẦU

1. Khái quát những đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội; sự ảnh hưởng của vị trí địa lý, khí hậu đối với nhà ở của các hộ trong đối tượng được hỗ trợ nhà ở tại tỉnh Quảng Ngãi

Quảng Ngãi là tỉnh ven biển, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung (Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng - Quảng Nam - Quảng Ngãi - Bình Định). Tổng diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh là 5.136,88 km², dân số trung bình năm 2005 là 1,28 triệu người, chiếm 1,6% dân số của cả nước. Quảng Ngãi có bờ biển dài khoảng 129 km, ngoài khơi có đảo Lý Sơn và một số đảo nhỏ khác. Quảng Ngãi hiện có 01 thành phố, 6 huyện miền núi và 01 huyện trung du, 5 huyện đồng bằng ven biển và huyện đảo Lý Sơn. Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam, phía Nam giáp tỉnh Bình Định, phía Tây giáp tỉnh Kon Tum, phía Đông giáp biển Đông. Quảng Ngãi có tuyến quốc lộ 1A và đường sắt Bắc - Nam chạy qua tỉnh, quốc lộ 24 nối Quảng Ngãi với Kon Tum và hạ Lào; đây là tuyến giao thông quan trọng đối với Kon Tum và Quảng Ngãi trong quan hệ kinh tế, văn hoá giữa duyên hải và Tây Nguyên, giao lưu trao đổi hàng hoá, phát triển kinh tế miền núi gắn với an ninh quốc phòng. Phía Bắc tỉnh, tại huyện Bình Sơn đã và đang hình thành Khu kinh tế tổng hợp Dung Quất gần sát sân bay Chu Lai - tại đây có cảng nước sâu Dung Quất, khu công nghiệp lọc hoá dầu và một số khu công nghiệp khác, khu đô thị mới Vạn Tường - là một khu kinh tế lớn của đất nước ở miền Trung.

Là một trong những tỉnh nghèo ở vùng duyên hải miền Trung, Tỉnh Quảng Ngãi thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai bão, lụt hàng năm nên đời sống của nhân dân dân trong tỉnh còn nhiều khó khăn. Những năm gần đây, được sự quan tâm đầu tư của Chính phủ, các Bộ, Ngành Trung ương và của tỉnh thông qua các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cộng với sự hình thành và phát triển của Khu kinh tế Dung Quất đã góp phần đáng kể trong việc tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về giảm nghèo, tỉnh Quảng Ngãi đã xây dựng Chương trình mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2011 -

2015 và kế hoạch giảm nghèo hàng năm, các hộ nghèo được hưởng các chính sách hỗ trợ về tín dụng, nhà ở, giáo dục, y tế, trợ giúp pháp lý..., từ đó tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn đã giảm đáng kể trong những năm vừa qua.

Tuy nhiên, do phần lớn các hộ nghèo trong tỉnh chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, trình độ sản xuất còn thấp, chưa có điều kiện ứng dụng khoa học kỹ thuật nhiều vào sản xuất nên năng suất chưa cao nên các hộ nghèo trên địa bàn tỉnh vẫn gặp rất nhiều khó khăn trong việc cải thiện đời sống, nhà cửa chưa được xây dựng kiên cố, lại thường xuyên chịu ảnh hưởng nặng nề của thiên tai, do đó các hộ nghèo vẫn chưa có điều kiện thoát nghèo, thậm chí có nguy cơ tái nghèo cao.

2. Sự cần thiết của Đề án

Xoá đói giảm nghèo là nhiệm vụ chính trị và là chính sách xã hội cơ bản mang tính nhân văn sâu sắc, là chương trình, mục tiêu để thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng và của Nhà nước. Trong thời gian qua, mặc dù Trung ương và tỉnh đã có nhiều chính sách hỗ trợ cho việc cải thiện nhà ở cho người nghèo, nhưng thực tế số lượng hộ nghèo đang khó khăn về nhà ở trong tỉnh còn khá lớn, do tác động của thiên tai, dịch bệnh ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người nông dân làm phát sinh thêm nhiều hộ nghèo mới và phần lớn các hộ nghèo thuộc đối tượng nói trên đang gặp rất nhiều khó khăn về nhà ở, cần có sự quan tâm hỗ trợ kịp thời.

Nhằm hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho các hộ gia đình nghèo chưa có nhà ở ổn định hoặc có nhà ở nhưng nhà ở quá tạm bợ, hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sụp đổ, tạo điều kiện cho hộ nghèo an tâm phát triển kinh tế, từng bước nâng cao mức sống, góp phần giảm nghèo bền vững, ngày 10/8/2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2) và giao UBND tỉnh chịu trách nhiệm trong việc lập, phê duyệt Đề án và tổ chức thực hiện. Đây là Đề án hết sức cấp thiết trên địa bàn tỉnh hiện nay.

3. Căn cứ pháp lý:

Đề án Hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015) trên địa bàn tỉnh được xây dựng trên những căn cứ pháp lý sau:

- Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2) (*gọi tắt là Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg*).

- Công văn số 1881/BXD-QLN ngày 24/8/2015 của Bộ Xây dựng về việc triển khai thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG NHÀ Ở ĐỐI VỚI HỘ NGHÈO THEO CHUẨN NGHÈO GIAI ĐOẠN 2011-2015 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Nhận xét, đánh giá thực trạng nhà ở của các hộ nghèo (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015) trên địa bàn tỉnh:

a) Về số lượng hộ nghèo:

Theo Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 07/02/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh thì số lượng hộ nghèo đến cuối năm 2013 theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ là 49.616 hộ (chiếm tỷ lệ 14,93%) và hộ cận nghèo là 32.220 hộ (chiếm tỷ lệ 9,7%). Tại khu vực thành thị thì hộ nghèo 3.014 hộ (chiếm tỷ lệ 6,06%), hộ cận nghèo 3.769 hộ (chiếm tỷ lệ 7,58%); tại khu vực nông thôn thì hộ nghèo 46.602 hộ (chiếm tỷ lệ 16,50%), hộ cận nghèo 28.451 hộ (chiếm tỷ lệ 10,07%).

b) Về số lượng nhà ở:

Tổng số nhà ở toàn tỉnh là 322.055 căn, trong đó khu vực đô thị có 46.603 căn nhà, chiếm tỉ lệ 14,0%; khu vực nông thôn có 275.453 căn nhà, chiếm tỉ lệ 86,0%. Tổng diện tích nhà ở của toàn tỉnh là 25.688.728 m². Diện tích nhà ở trung bình theo nhân khẩu trên toàn tỉnh đạt 20,8 m²/người, diện tích nhà ở bình quân theo hộ đạt 79,2 m²/hộ. Diện tích nhà ở bình quân khu vực đô thị bình quân đạt 28,0 m²/người, khu vực nông thôn đạt 19,6 m²/người.

Nhà ở của hộ nghèo ở khu vực đô thị 3.014 nhà, tương đương với 3.014 hộ; nhà ở của hộ nghèo ở khu vực nông thôn là 46.602 nhà, tương đương với 46.602 hộ.

c) Về chất lượng nhà ở:

Qua khảo sát thực trạng của các hộ nghèo khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh, nhất là đối với khu vực nằm trong vùng thường xuyên bị lũ, lụt chưa có nhà ở ổn định hoặc có nhà ở nhưng nhà ở quá tạm bợ, hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sụp đổ nhưng không có khả năng tự cải thiện nhà ở; diện tích nhỏ hẹp, thời gian sử dụng ngắn, thường xuyên hư hỏng, thấm dột, không đảm bảo chất lượng sử dụng, có nhiều hộ nhà ở hư hỏng nặng, phải chống đỡ sử dụng tạm thời, nhưng chưa có điều kiện để xây dựng sửa chữa lại.

d) Về điều kiện sống của các hộ nghèo khó khăn về nhà ở:

Ở khu vực nông thôn, các hộ nghèo khó khăn về nhà ở nằm xen lẫn rải rác trong khu dân cư, tuyến dân cư; nhiều hộ do điều kiện phải sinh sống tạm

bộ trên các phần đất nông nghiệp cách xa khu dân cư phần lớn chưa có hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ, thiếu hệ thống giao thông; việc thoát nước và rác thải cũng chưa được xử lý, thiếu nhà vệ sinh, ở xa các trường học, trạm y tế nên đời sống gặp rất nhiều khó khăn.

Nhìn chung, thực trạng nhà ở của nhân dân trên toàn tỉnh những năm gần đây có những chuyển biến tích cực, một phần là nhờ các chính sách hỗ trợ của Đảng và Nhà nước cũng như của tỉnh nhà, một phần là nhờ Nhà máy lọc dầu thuộc Khu kinh tế Dung Quất thu hút các nhà đầu tư vào đầu tư trên địa bàn tỉnh dẫn đến chuyển biến tích cực cho sự phát triển kinh tế, hạ tầng, dịch vụ của tỉnh nhà, nâng cao đời sống của nhân dân trong tỉnh. Tuy nhiên, trên địa bàn tỉnh vẫn còn tồn tại một số lượng lớn các hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 chưa có khả năng tự cải thiện nhà ở.

2. Đánh giá tác động của thiên tai bão, lũ đối với nhà ở và khả năng ứng phó với bão, lũ trên địa bàn tỉnh

Quảng Ngãi là tỉnh thuộc khu vực duyên hải miền Trung, có diện tích tự nhiên 3.137,5km² với bờ biển dài 129km. Địa hình trong tỉnh có độ dốc lớn từ Tây sang Đông và bị chia cắt bởi hệ thống sông, suối dày với 04 sông lớn là: Trà Bồng, Trà Khúc, Sông Vệ, Trà Câu. Các sông, suối có đặc điểm ngắn và dốc nên thời gian tập trung nước mặt rất nhanh và thường gây lũ, lụt lớn.

Quanh năm thường bị chịu ảnh hưởng bởi những loại hình thiên tai chủ yếu như: Bão, lũ, lụt, lũ quét, sạt lở đất, không khí lạnh, hạn hán, xâm nhập mặn, dông, lốc, sét, mưa đá, ... trong đó có lũ và bão là hai loại hình thiên tai nguy hiểm, thường xuyên xảy ra và gây hậu quả nặng nề nhất. Trung bình hàng năm có 5-7 trận lũ; chịu ảnh hưởng từ 6-9 cơn bão, tần suất xuất hiện bão đổ bộ là 0,28 cơn/năm.

Ảnh hưởng của thiên tai đến kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn từ năm 1999 đến năm 2013: Số người chết, mất tích 473 người; số người bị thương 1.334 người; số nhà bị sập đổ, nước cuốn trôi 8.748 nhà; nhà bị tốc mái, hư hỏng 83.850 nhà; trường học, trạm y tế bị thiệt hại 5.448 phòng; tàu thuyền bị chìm, hư hỏng 759 chiếc. Tổng thiệt hại về kinh tế giai đoạn này là 9.455,21 tỷ đồng.

3. Các chính sách hỗ trợ hộ nghèo cải thiện nhà ở do Nhà nước ban hành đang thực hiện tại địa bàn tỉnh

Những năm gần đây, nhờ có sự quan tâm tích cực của Đảng, Nhà nước, các Bộ, ngành liên quan cũng như tỉnh nhà trong việc hỗ trợ ổn định cuộc sống cho các hộ nghèo như thực hiện chính sách theo Quyết định 134, Nghị quyết số 30a, chương trình hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng, chương trình giảm nghèo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2006 – 2010, Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính

sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở và một số chương trình khác, Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ Hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở, Quyết định 716/QĐ-TTg ngày 14/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thí điểm giải pháp hỗ trợ hộ nghèo nâng cao điều kiện an toàn chỗ ở, ứng phó với lũ lụt vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung, Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực miền Trung. Nhờ đó, một số lượng lớn các hộ nghèo đã được cải thiện về nhà ở cũng như đời sống, có điều kiện phát triển kinh tế ổn định. Tuy nhiên, hiện vẫn còn tồn tại một số lượng lớn hộ nghèo trước đây chưa được hỗ trợ theo các chính sách đã nêu trên đang cần có nhu cầu hỗ trợ để cải thiện nhà ở cộng với việc phát sinh một số hộ nghèo mới cũng như tái nghèo dẫn đến ảnh hưởng lớn tới mục tiêu giảm nghèo của tỉnh.

4. Nhận xét, đánh giá về các chính sách hỗ trợ hộ nghèo cải thiện nhà ở

a) Về ưu điểm:

- Trung ương đã kịp thời ban hành hệ thống cơ chế, chính sách hỗ trợ hộ nghèo, trên cơ sở đó từng địa phương đã cụ thể hóa thành các chương trình nên đã thực hiện có hiệu quả mục tiêu giảm nghèo, nhất là việc hỗ trợ cho các hộ nghèo về nhà ở đạt tỷ lệ cao.

- Các chính sách hỗ trợ về nguồn vốn tín dụng, cho vay ưu đãi của Ngân hàng Chính sách xã hội đã tạo điều kiện cho hộ nghèo có điều kiện phát triển sản xuất, chăn nuôi, tăng thu nhập, cải thiện nhà ở hoặc cho các hộ nghèo vay vốn để xây dựng sửa chữa nhà ở tạm bợ, dột nát cũng góp phần đáng kể trong thực hiện chương trình giảm nghèo các năm qua.

b) Về hạn chế, tồn tại:

- Thu nhập bình quân đầu người thấp, việc làm không ổn định, biến động giá cả, điều kiện tự nhiên, thời tiết, khí hậu không thuận lợi, thiên tai cộng với bệnh dịch xuất hiện thường xuyên ảnh hưởng đến đời sống cũng như sản xuất của nhân dân nên dẫn đến nguy cơ tái nghèo cao.

- Trong thời gian qua, mặc dù địa phương đã huy động nhiều nguồn lực để tổ chức xây dựng nhà đại đoàn kết, hỗ trợ kinh phí cho các hộ nghèo cải tạo sửa chữa nhà ở hư hỏng, tạm bợ, dột nát, nhưng tỷ lệ nhà ở được xây dựng cho các hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn chưa đáp ứng được nhu cầu, do thực tế còn thiếu về cơ chế, chính sách riêng cho việc tập trung hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo đang khó khăn, không đủ nguồn lực để cải thiện nhà ở cho hộ nghèo.

- Đối với mức hỗ trợ về nhà ở, thời gian qua, mỗi hộ nghèo khó khăn về nhà ở được hỗ trợ thấp (từ 3-5 triệu đồng/hộ giai đoạn 2000-2005 và từ 7-10 triệu đồng/hộ giai đoạn 2006-2008) để cải thiện nhà ở. Với mức hỗ trợ nêu trên thì diện tích cũng như chất lượng nhà thấp do về giá cả thị trường, chi phí

nhân công cao. Từ đó các hộ nghèo gặp rất nhiều khó khăn, nên phải xây dựng sửa chữa nhà bằng vật liệu tạm, dẫn đến chất lượng nhà ở kém, không đảm bảo cho việc sử dụng lâu dài.

III. ĐÁNH GIÁ PHƯƠNG THỨC HUY ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ NGUỒN LỰC CỦA ĐỊA PHƯƠNG ĐÃ THỰC HIỆN HỖ TRỢ HỘ NGHEÒ XÂY DỰNG NHÀ Ở ĐỐI VỚI HỘ NGHEÒ

1. Về mô hình huy động nguồn lực

Trong thời gian qua để thực hiện chính sách giảm nghèo và hỗ trợ về nhà ở cho các hộ nghèo không có điều kiện cải thiện nhà ở tỉnh đã tập trung huy động từ các nguồn lực:

- Tiếp nhận và triển khai kịp thời các nguồn thu từ trung ương phân bổ cho địa phương, đúng mục đích yêu cầu đề ra.

- Ngân sách địa phương bố trí để chi cho dự án liên quan đến công tác giảm nghèo.

- Từ sự hỗ trợ cho vay vốn ưu đãi từ ngân hàng chính sách xã hội cho vay để cải tạo, sửa chữa nhà ở, phát triển sản xuất, chăn nuôi.

- Từ huy động doanh nghiệp, của tổ chức, cá nhân thông qua “Quỹ vì người nghèo”. Kết hợp các nguồn vốn của đoàn thể để xây dựng nhà đại đoàn kết cho người nghèo.

- Vận động tài trợ quốc tế, lập các dự án kêu gọi nguồn tài trợ của nước ngoài hỗ trợ cho người nghèo thúc đẩy sản xuất, phát triển nghề, nhất là làng nghề truyền thống.

2. Về quản lý nguồn lực của địa phương trong quá trình thực hiện hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở

Ban vận động “ngày vì người nghèo” thành lập theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Việt Nam ở từng cấp (tỉnh, huyện, xã) và quản lý nguồn quỹ được vận động theo quy chế quản lý, sử dụng do trung ương hướng dẫn thống nhất cho cả nước.

3. Về thực hiện việc quản lý sử dụng, cấp phát, thanh toán nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương và vốn vay tín dụng ưu đãi cũng như các nguồn vốn huy động khác

Ban vận động “ngày vì người nghèo trung ương” hỗ trợ nguồn quỹ của trung ương, tỉnh triển khai xây nhà cho các hộ nghèo và có quyết toán với Ban vận động trung ương.

4. Về cách thức hỗ trợ (người dân tự làm hoặc do các tổ chức, doanh nghiệp xây dựng sau đó bàn giao cho hộ dân, giao tiền hỗ trợ trực tiếp cho hộ dân hoặc chính quyền địa phương tổ chức cung ứng vật liệu cho hộ dân để làm nhà....)

Ban vận động trực tiếp tổ chức xây dựng nhà, sau đó bàn giao cho hộ gia đình.

5. Đánh giá chung về mô hình huy động và quản lý nguồn lực của địa phương trong quá trình thực hiện việc hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở

- Nhìn chung trong những năm qua triển khai thực hiện cuộc vận động “ngày vì người nghèo” trên địa bàn tỉnh được các cấp, các ngành quán triệt tổ chức thực hiện và các tầng lớp nhân dân đồng tình ủng hộ hưởng ứng.

- Công tác thu, chi các nguồn quỹ đúng mục đích, đúng đối tượng và đảm bảo đúng quy chế hướng dẫn của trung ương và các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh.

IV. MỘT SỐ NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA ĐỀ ÁN

1. Quan điểm hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở cho hộ nghèo

- Hỗ trợ nhà ở cho các hộ nghèo khó khăn về nhà ở theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ là một trong những chính sách quan trọng trong chương trình giảm nghèo, không những giúp cho các đối tượng nghèo khó khăn về nhà ở trong tỉnh tạo lập được một căn nhà ở hoặc sửa chữa, cải tạo lại nhà ở tạm bợ, hư hỏng, dột nát nhằm cải thiện điều kiện sống để phát triển sản xuất vươn lên thoát nghèo, đảm bảo thực hiện giảm nghèo một cách bền vững, mà còn thể hiện tính nhân văn sâu sắc của Đảng và Nhà nước ta và đạo lý truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

- Các cấp chính quyền và tất cả các tổ chức trong hệ thống chính trị cũng như toàn xã hội phải có trách nhiệm tham gia vào việc thực hiện chương trình hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo khó khăn về nhà ở.

- Tổ chức tốt việc rà soát, bình xét dân chủ, sát thực từ địa phương, đảm bảo đúng đối tượng và sự công bằng trong từng địa bàn dân cư.

2. Mục tiêu, nguyên tắc hỗ trợ

- Mục tiêu: Thực hiện hỗ trợ nhà ở cho các hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 khu vực nông thôn, đảm bảo có nhà ở an toàn, ổn định, từng bước nâng cao mức sống, góp phần xóa đói, giảm nghèo bền vững.

- Nguyên tắc thực hiện: Hỗ trợ đến từng hộ gia đình; bảo đảm dân chủ, công khai, công bằng và minh bạch trên cơ sở pháp luật và chính sách của Nhà nước; phù hợp với phong tục tập quán của mỗi dân tộc, vùng, miền, bảo tồn bản sắc văn hóa của từng dân tộc; phù hợp với điều kiện thực tiễn và gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương; góp phần thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới; huy động từ nhiều nguồn vốn để thực hiện, kết hợp giữa Nhà nước và nhân dân cùng làm. Thực hiện hỗ trợ theo nguyên tắc: Nhà nước hỗ trợ theo phương thức cho vay vốn để xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở với lãi suất ưu đãi, cộng đồng giúp đỡ, hộ gia đình tự tổ chức xây dựng nhà ở; hộ gia đình được hỗ trợ nhà ở (bao gồm xây dựng mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở) được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai (nếu có yêu cầu) và chỉ được chuyển nhượng sau khi đã trả hết nợ vay (cả gốc và lãi) cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Yêu cầu về diện tích và chất lượng nhà ở xây dựng mới

Tùy theo điều kiện cụ thể người dân có thể xây dựng theo kinh nghiệm, truyền thống, phù hợp với điều kiện kinh tế, sinh hoạt của gia đình, nhưng phải đảm bảo tiêu chí tối thiểu về diện tích, chất lượng quy định và đảm bảo khả năng phòng, tránh được bão, lụt như: Sau khi được hỗ trợ, các hộ gia đình phải xây dựng được nhà ở mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở đang có, đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 24 m² (đối với những hộ độc thân không nơi nương tựa, có thể xây dựng nhà ở có diện tích sử dụng nhỏ hơn nhưng không thấp hơn 18 m²) và “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng); tuổi thọ căn nhà từ 10 năm trở lên. Nhà ở phải đảm bảo an toàn khi xảy ra bão, tố, lốc.

4. Mức vay và phương thức cho vay và giải ngân nguồn vốn vay

a) Mức vay để làm nhà

Hộ gia đình thuộc diện đối tượng theo quy định của Quyết định 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ có nhu cầu vay vốn, được vay tối đa 25 triệu đồng/hộ từ Ngân hàng Chính sách xã hội để xây dựng mới hoặc sửa chữa nhà ở. Lãi suất vay 3%/năm; thời hạn vay là 15 năm, trong đó thời gian ân hạn là 5 năm. Thời gian trả nợ tối đa là 10 năm bắt đầu từ năm thứ 6, mức trả nợ mỗi năm tối thiểu là 10% tổng số vốn đã vay.

b) Phương thức cho vay

Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngoài mức vay, hộ gia đình tham gia đóng góp và huy động các nguồn vốn khác từ cộng đồng để xây dựng hoặc sửa chữa nhà ở đảm bảo quy mô và chất lượng theo quy định.

c) Giải ngân vốn vay

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện xác nhận tiến độ xây dựng nhà ở của hộ nghèo trên địa bàn và có văn bản tổng hợp gửi Ngân hàng Chính sách xã hội; Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện giải ngân 100% vốn vay theo quy định đối với những hộ gia đình thực hiện xây dựng mới nhà ở sau khi hoàn thành phần móng và đối với những hộ gia đình thực hiện sửa chữa, cải tạo nhà ở đã có sau khi hoàn thành 30% khối lượng công việc.

5. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ nhà ở

a) Đối tượng

Hộ gia đình được hỗ trợ xây dựng nhà ở theo quy định của Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phải là hộ nghèo theo chuẩn

nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015, có trong danh sách hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý tại thời điểm Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành tối thiểu 05 năm.

b) Điều kiện

b.1) Chưa có nhà ở hoặc đã có nhà ở nhưng nhà ở quá tạm bợ, hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ và không có khả năng tự cải thiện nhà ở;

b.2) Chưa được hỗ trợ nhà ở từ các chương trình, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội khác;

b.3) Trường hợp đã được hỗ trợ nhà ở theo các chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở khác thì phải thuộc các đối tượng sau: Nhà ở đã bị sập đổ hoặc hư hỏng nặng, có nguy cơ sập đổ do thiên tai gây ra như: Bão, lũ, lụt, động đất, sạt lở đất, hỏa hoạn nhưng chưa có nguồn vốn để sửa chữa, xây dựng lại. Đã được hỗ trợ nhà ở theo các chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở khác có thời gian từ 08 năm trở lên tính đến thời điểm Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành nhưng nay nhà ở đã hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ.

c) Những trường hợp sau đây không thuộc diện đối tượng hỗ trợ theo quy định của Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ:

c.1) Hộ thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

c.2) Hộ thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở;

c.3) Hộ thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 716/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thí điểm giải pháp hỗ trợ hộ nghèo nâng cao điều kiện an toàn chỗ ở, ứng phó với lũ, lụt vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung;

c.4) Hộ thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng tránh bão, lụt khu vực miền Trung.

6. Phạm vi áp dụng

Chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 được áp dụng đối với các hộ thuộc diện đối tượng theo quy định của Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg đang cư trú tại khu vực nông thôn hoặc đang cư trú tại các thôn, làng, buôn, bản, ấp, phum, sóc (gọi chung là thôn) trực thuộc phường, thị trấn hoặc xã trực thuộc thị xã, thành phố thuộc tỉnh nhưng sinh sống chủ yếu bằng nghề nông, lâm, ngư nghiệp.

7. Xác định số lượng hộ nghèo cần hỗ trợ xây dựng nhà ở trên địa bàn tỉnh

- Tổng số hộ thuộc diện đối tượng hỗ trợ xây dựng nhà ở mới, sửa chữa nâng cấp nhà hiện có (tính đến thời điểm Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành) là : **6.120 hộ**. Trong đó, số hộ thuộc đối tượng hỗ trợ tự nguyện đăng ký vay vốn làm nhà ở: **6.120 hộ**.

- Tổng số hộ thuộc diện đối tượng hỗ trợ đăng ký vay vốn làm nhà ở cư trú tại các huyện nghèo theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ: 4.514 hộ.

8. Phân loại đối tượng ưu tiên

a) Hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật...): 712 hộ;

b) Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số: 4.144 hộ;

c) Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xã ra thiên tai: 49 hộ;

d) Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn 135 hộ;

đ) Hộ gia đình đang sinh sống tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn : 116 hộ;

e) Hộ gia đình đang cư trú tại các huyện nghèo theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ: 78 hộ;

f) Các hộ gia đình còn lại: 886 hộ.

9. Nguồn vốn thực hiện

Ngoài nguồn vốn vay ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2), còn có các nguồn vốn khác dự kiến huy động được để hỗ trợ, cụ thể:

- Vốn huy động từ "Quỹ vì người nghèo" do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp vận động từ cộng đồng xã hội và từ các doanh nghiệp.

- Vốn của hộ gia đình được huy động từ gia đình, dòng họ;

- Vốn lồng ghép từ các chương trình, mục tiêu khác.

10. Xác định tổng số vốn thực hiện và phân khai nguồn vốn thực hiện

Tổng nhu cầu vốn để triển khai thực hiện Đề án là **294,525 tỷ đồng** (Tạm tính kinh phí xây dựng cho 01 nhà có diện tích tối thiểu 24m², đảm bảo 03 cứng: nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng là 48,0 triệu đồng/01 nhà).

Bao gồm:

a) Vốn vay ưu đãi từ Ngân hàng chính sách xã hội cần có để thực hiện hỗ trợ là 153,00 tỷ đồng (mức vay 25,0 triệu đồng/hộ).

b) Dự kiến nguồn vốn huy động của cộng đồng, dòng họ và của chính hộ gia đình được hỗ trợ: 140,760 tỷ đồng (dự kiến mức huy động từ cộng đồng, dòng họ và bản thân hộ gia đình là 23,0 triệu đồng/hộ).

c) Vốn để thực hiện chi phí quản lý:

Vốn ngân sách địa phương sử dụng để bố trí kinh phí quản lý triển khai thực hiện Đề án với mức tối đa không quá 0,5% tổng vốn vay từ Ngân hàng chính sách xã hội để thực hiện: 0,765 tỷ đồng.

11. Cách thức thực hiện

a) Bình xét và phê duyệt danh sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015:

Các thôn tổ chức bình xét đối tượng và phân loại ưu tiên theo đúng quy định, đảm bảo dân chủ, công khai, công bằng, minh bạch và gửi danh sách số hộ được bình xét lên Ủy ban nhân dân cấp xã;

Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, rà soát lại danh sách hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ xây dựng nhà ở trình Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để làm cơ sở lập và phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn.

b) Cấp vốn vay ưu đãi làm nhà ở:

Việc quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán nguồn vốn thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

Đối với vốn vay, hộ gia đình thực hiện thủ tục, quy trình vay vốn theo hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội;

Việc giải ngân nguồn vốn vay được thực hiện như sau: Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện xác nhận tiến độ xây dựng nhà ở của hộ nghèo trên địa bàn và có văn bản tổng hợp gửi Ngân hàng Chính sách xã hội; Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện giải ngân 100% vốn vay theo quy định đối với những hộ gia đình thực hiện xây dựng mới nhà ở sau khi hoàn thành phần móng và đối

với những hộ gia đình thực hiện sửa chữa, cải tạo nhà ở đã có sau khi hoàn thành 30% khối lượng công việc.

c) Thực hiện xây dựng nhà ở:

Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các hộ gia đình xây dựng và sửa chữa nhà ở đảm bảo yêu cầu về diện tích và chất lượng theo quy định của Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ và vận động các hộ gia đình tự tổ chức xây dựng hoặc sửa chữa nhà ở. Đối với hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật...) không thể tự xây dựng được, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của địa phương tổ chức xây dựng cho các đối tượng này.

12. Tiến độ thực hiện

Tổng tiến độ thực hiện hoàn thành Đề án từ 2015-2020 là 6.120 hộ, cụ thể như sau:

- Năm 2015: Xây dựng đề án và phê duyệt đề án;
- Năm 2016: Thực hiện hỗ trợ khoảng 10% số hộ thuộc đối tượng hỗ trợ: 614 hộ;
- Năm 2017: Thực hiện hỗ trợ khoảng 20% số hộ thuộc đối tượng hỗ trợ: 1.225 hộ;
- Năm 2018: Thực hiện hỗ trợ khoảng 25% số hộ thuộc đối tượng hỗ trợ: 1.528 hộ;
- Năm 2019: Thực hiện hỗ trợ khoảng 25% số hộ thuộc đối tượng hỗ trợ: 1.528 hộ;
- Năm 2020: Thực hiện hỗ trợ khoảng 20% số hộ thuộc đối tượng hỗ trợ: 1.225 hộ; tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện chính sách.

13. Tiến độ huy động vốn hàng năm

Tổng số vốn cần có theo tiến độ để thực hiện Đề án từ năm 2016 đến 2020 là **294,525 tỷ đồng** (bao gồm: vốn ngân sách địa phương để thực hiện quản lý, tổ chức triển khai thực hiện chính sách: 0,765 tỷ đồng; vốn vay ưu đãi tín dụng: 153,00 tỷ đồng và dự kiến nguồn vốn huy động của cộng đồng, dòng họ và của chính hộ gia đình được hỗ trợ: 140,760 tỷ đồng).

Trong đó chia ra:

a) **Năm 2016:** Tổng nguồn vốn cần có để thực hiện là: **29,549 tỷ đồng**; bao gồm:

- Vốn ngân sách địa phương để thực hiện quản lý, tổ chức triển khai thực hiện chính sách: 0,0768 tỷ đồng;
- Vốn vay ưu đãi tín dụng: 15,350 tỷ đồng;

- Dự kiến nguồn vốn huy động của cộng đồng, dòng họ và của chính hộ gia đình được hỗ trợ: 14,122 tỷ đồng.

b) Năm 2017: Tổng nguồn vốn cần có để thực hiện: **58,953 tỷ đồng;** bao gồm:

- Vốn ngân sách địa phương để thực hiện quản lý, tổ chức triển khai thực hiện chính sách: 0,153 tỷ đồng;

- Vốn vay ưu đãi tín dụng: 30,625 tỷ đồng;

- Dự kiến nguồn vốn huy động của cộng đồng, dòng họ và của chính hộ gia đình được hỗ trợ: 28,175 tỷ đồng.

c) Năm 2018: Tổng nguồn vốn cần có để thực hiện: **73,535 tỷ đồng;** bao gồm:

- Vốn ngân sách địa phương để thực hiện quản lý, tổ chức triển khai thực hiện chính sách: 0,191 tỷ đồng;

- Vốn vay ưu đãi tín dụng: 38,20 tỷ đồng;

- Dự kiến nguồn vốn huy động của cộng đồng, dòng họ và của chính hộ gia đình được hỗ trợ: 35,144 tỷ đồng.

c) Năm 2019: Tổng nguồn vốn cần có để thực hiện: **73,535 tỷ đồng;** bao gồm:

- Vốn ngân sách địa phương để thực hiện quản lý, tổ chức triển khai thực hiện chính sách: 0,191 tỷ đồng;

- Vốn vay ưu đãi tín dụng: 38,20 tỷ đồng;

- Dự kiến nguồn vốn huy động của cộng đồng, dòng họ và của chính hộ gia đình được hỗ trợ: 35,144 tỷ đồng.

d) Năm 2020: Tổng nguồn vốn cần có để thực hiện là: **58,953 tỷ đồng;** bao gồm:

- Vốn ngân sách địa phương để thực hiện quản lý, tổ chức triển khai thực hiện chính sách: 0,153 tỷ đồng;

- Vốn vay ưu đãi tín dụng: 30,625 tỷ đồng;

- Dự kiến nguồn vốn huy động của cộng đồng, dòng họ và của chính hộ gia đình được hỗ trợ: 28,175 tỷ đồng.

14. Tổ chức thực hiện

a) Sở Xây dựng:

Là cơ quan thường trực, tham mưu và giúp UBND tỉnh tổ chức thực hiện hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo có chịu trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động – Thương binh và Xã hội, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Quảng Ngãi giúp UBND tỉnh tổng hợp, theo dõi đôn đốc, kiểm tra, báo

cáo tình hình thực hiện hàng tháng, hàng quý cho UBND tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định; giải quyết những vướng mắc thuộc thẩm quyền hoặc trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền;

- Chủ trì, tổ chức nghiên cứu thiết kế tối thiểu 03 mẫu nhà điển hình phù hợp với thực tế địa phương để người dân lựa chọn (kèm theo dự toán kinh phí, dự trù vật tư chủ yếu);

- Sau khi kết thúc chương trình, chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm, báo cáo Bộ Xây dựng và Thủ tướng Chính phủ về kết quả triển khai thực hiện chương trình trên địa bàn tỉnh.

b) Sở Tài chính:

Chủ trì tham hướng dẫn UBND các huyện, thành phố thực hiện công tác lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán kinh phí quản lý, tổ chức thực hiện chính sách theo đúng quy định hiện hành.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài chính tổng hợp, cân đối kế hoạch hàng năm; thực hiện giao kế hoạch cho các đơn vị theo phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh; lồng ghép với các chương trình, dự án khác đầu tư trên địa bàn.

d) Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi:

Hàng năm trên cơ sở số lượng hộ nghèo thuộc đối tượng trong Đề án được duyệt có kế hoạch đảm bảo kinh phí cho các hộ nghèo thuộc đối tượng vay theo mức quy định; việc thực hiện cho vay, thu hồi nợ, hướng dẫn cụ thể hồ sơ, thủ tục vay vốn làm nhà ở theo quy định phải đảm bảo đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện; chỉ đạo các phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thành phố thực hiện cho vay kịp thời theo danh sách các đối tượng đã được các UBND huyện, thành phố phê duyệt, tổ chức giải ngân kịp thời tạo điều kiện cho hộ nghèo dễ dàng tiếp cận nguồn vốn vay, quy trình thủ tục theo quy định.

đ) Ban Dân tộc tỉnh căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở, ngành liên quan trong việc thực hiện chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

e) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”, phối hợp với chính quyền các cấp, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tích cực vận động tạo thêm nguồn lực hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở; đồng thời thực hiện chức năng giám sát quá trình triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo đảm bảo đúng mục tiêu và yêu cầu đề ra.

f) UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm:

- Kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện chính sách giảm nghèo cấp huyện để chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

- Tổng hợp và phê duyệt theo thẩm quyền danh sách hộ nghèo được hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo trên địa bàn;

- Trực tiếp tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt trên địa bàn đúng quy định, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo việc hỗ trợ đúng đối tượng, đúng mục đích và có hiệu quả;

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện, đảm bảo chính xác đến từng hộ nghèo; không để xảy ra thất thoát, tiêu cực; đảm bảo các hộ nghèo có nhà ở sau khi được hỗ trợ theo quy định; có biện pháp phòng ngừa việc chuyển nhượng nhà ở trái quy định;

- Tổ chức giới thiệu rộng rãi các mẫu nhà ở (do Sở Xây dựng thiết kế) đến nhân dân địa phương được chọn.

- Tích cực tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn hỗ trợ thực hiện (từ các nguồn như: đóng góp của hộ gia đình; huy động từ cộng đồng, dòng họ; quỹ vì người nghèo; các nguồn đóng góp hỗ trợ tự nguyện khác);

- Trước ngày 25 hàng tháng có báo cáo nhanh, 03 tháng một lần (trước ngày 25 tháng thứ 3) có báo cáo định kỳ về kết quả thực hiện gửi Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng.

g) UBND cấp xã có trách nhiệm:

- Tổ chức lựa chọn và lập danh sách số hộ được hỗ trợ, đảm bảo công khai, công bằng, minh bạch, phù hợp với điều kiện thực tiễn, gắn với quy hoạch phát triển nông thôn mới của địa phương và đúng đối tượng theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trình UBND huyện xem xét, phê duyệt;

- Kiện toàn Ban giảm nghèo cấp xã để thực hiện hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở;

- Lập danh sách các hộ có nhu cầu vay vốn trình UBND cấp huyện phê duyệt và hướng dẫn các hộ gia đình thuộc danh sách đối tượng đã được phê duyệt liên hệ với Ngân hàng Chính sách xã hội huyện để thực hiện vay vốn theo quy định;

- Trực tiếp hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các hộ gia đình xây dựng nhà ở phong, tránh bão, lụt đảm bảo yêu cầu diện tích và chất lượng theo quy định và vận động các hộ tự xây dựng. Đối với hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật ...) không thể tự xây dựng được thì UBND xã phối

hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của địa phương tổ chức hỗ trợ xây dựng cho các đối tượng này;

- Trước ngày 20 hàng tháng có báo cáo nhanh, 03 tháng một lần (trước ngày 20 tháng thứ 3) có báo cáo định kỳ kết quả thực hiện hỗ trợ hộ nghèo trên địa bàn xã về số lượng hộ gia đình đã được hỗ trợ; số nhà được xây dựng; số tiền đã hỗ trợ được cấp cho các hộ gia đình; số tiền cho vay và báo cáo những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện trên địa bàn xã lên UBND cấp huyện.

- Tổ chức việc lập Biên bản xác nhận xây dựng nhà ở và lập hồ sơ hoàn công cho từng hộ gia đình được hỗ trợ xây dựng nhà ở theo quy định;

h) Đề nghị Tỉnh Đoàn Quảng Ngãi:

- Chỉ đạo các cấp Đoàn thanh niên tuyên truyền, phổ biến chính sách; tham gia vận động các tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng ủng hộ bằng tiền, vật liệu xây dựng hoặc ngày công lao động để giúp đỡ các hộ nghèo xây dựng nhà phòng tránh lũ, lụt.

- Chỉ đạo các cấp Đoàn Thanh niên tham gia xây dựng nhà ở cho các hộ nghèo; phối hợp với UBND cấp xã tổ chức xây dựng nhà ở cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật ...).

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ là điều kiện để các gia đình ổn định chỗ ở, nâng cao điều kiện an toàn chỗ ở tạo điều kiện cho hộ nghèo an tâm phát triển kinh tế, từng bước nâng cao mức sống, góp phần giảm nghèo bền vững. Chương trình này trong giai đoạn hiện nay là rất phù hợp với tình hình thực tế địa phương và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, giải quyết tốt chính sách xã hội về xóa đói giảm nghèo góp phần ổn định chỗ ở và cuộc sống của người dân và là cơ sở để chính quyền địa phương, Ban giám nghèo các cấp, các cơ quan đơn vị có liên quan triển khai thực hiện thống nhất trong tỉnh.

2. Kiến nghị

Kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu xây dựng các chương trình, chính sách khác lồng ghép cùng thực hiện với chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ để phát huy hiệu quả nhất trong công tác giảm nghèo, tiến đến giảm nghèo bền vững.

VI. CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO

1. Phụ lục số 01: Bảng tổng hợp kinh phí hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo

theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Phụ lục số 02: Bảng tổng hợp số hộ nghèo thuộc đối tượng được hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Phụ lục số 03: Bảng danh sách chi tiết hộ nghèo thuộc đối tượng được hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ.



ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng

Phụ lục số 01

BẢNG TỔNG KẾT VIỆC HUY ĐỘNG VÀ NHU CẦU VỐN LÀM NHÀ Ở

(Ban hành kèm theo Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 07/01/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



TT	Huyện/thành phố	Tổng số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở đăng ký vay vốn làm nhà ở theo quy định tại QĐ số 33/2015/QĐ-TTg	Tiến độ thực hiện hỗ trợ theo Đề án					Tổng nhu cầu vốn (triệu đồng)	Vốn vay hỗ trợ từ Ngân hàng CSXH (triệu đồng)	Dự kiến vốn huy động khác: từ bản thân hộ gia đình, cộng đồng, ... (triệu đồng)	Tiến độ huy động vốn theo Đề án									
			Năm 2016 (10%)	Năm 2017 (20%)	Năm 2018 (25%)	Năm 2019 (25%)	Năm 2020 (20%)				Năm 2016 (10%)		Năm 2017 (20%)		Năm 2018 (25%)		Năm 2019 (25%)		Năm 2020 (20%)	
											Vốn vay hỗ trợ từ Ngân hàng CSXH (triệu đồng)	Dự kiến vốn huy động khác: từ bản thân hộ gia đình, cộng đồng, ... (triệu đồng)	Vốn vay hỗ trợ từ Ngân hàng CSXH (triệu đồng)	Dự kiến vốn huy động khác: từ bản thân hộ gia đình, cộng đồng, ... (triệu đồng)	Vốn vay hỗ trợ từ Ngân hàng CSXH (triệu đồng)	Dự kiến vốn huy động khác: từ bản thân hộ gia đình, cộng đồng, ... (triệu đồng)	Vốn vay hỗ trợ từ Ngân hàng CSXH (triệu đồng)	Dự kiến vốn huy động khác: từ bản thân hộ gia đình, cộng đồng, ... (triệu đồng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
1	Huyện Bình Sơn	358	36	72	89	89	72	17.184	8.950	8.234	900	828	1.800	1.656	2.225	2.047	2.225	2.047	1.800	1.656
2	Huyện Sơn Tịnh	59	5	12	15	15	12	2.832	1.475	1.357	125	115	300	276	375	345	375	345	300	276
3	Thành phố Quảng Ngãi	185	19	37	46	46	37	8.880	4.625	4.255	475	437	925	851	1.150	1.058	1.150	1.058	925	851
4	Huyện Tư Nghĩa	477	49	95	119	119	95	22.896	11.925	10.971	1.225	1.127	2.375	2.185	2.975	2.737	2.975	2.737	2.375	2.185
5	Huyện Mộ Đức	205	21	41	51	51	41	9.840	5.125	4.715	525	483	1.025	943	1.275	1.173	1.275	1.173	1.025	943
6	Huyện Đức Phổ	39	5	7	10	10	7	1.872	975	897	125	115	175	161	250	230	250	230	175	161
7	Huyện Nghĩa Hành	250	24	50	63	63	50	12.000	6.250	5.750	600	552	1.250	1.150	1.575	1.449	1.575	1.449	1.250	1.150
8	Huyện Sơn Hà	141	15	28	35	35	28	6.768	3.525	3.243	375	345	700	644	875	805	875	805	700	644
9	Huyện Sơn Hà	688	68	138	172	172	138	33.024	17.200	15.824	1.700	1.564	3.450	3.174	4.300	3.956	4.300	3.956	3.450	3.174
10	Huyện Sơn Tây	226	22	45	57	57	45	10.848	5.650	5.198	550	506	1.125	1.035	1.425	1.311	1.425	1.311	1.125	1.035
11	Huyện Trà Bồng	944	94	189	236	236	189	45.312	23.600	21.712	2.350	2.162	4.725	4.347	5.900	5.428	5.900	5.428	4.725	4.347
12	Huyện Tây Trà	1.337	135	268	333	333	268	64.176	33.425	30.751	3.375	3.105	6.700	6.164	8.325	7.659	8.325	7.659	6.700	6.164
13	Huyện Ba Tơ	1.178	118	236	294	294	236	56.544	29.450	27.094	2.950	2.714	5.900	5.428	7.350	6.762	7.350	6.762	5.900	5.428
14	Huyện Lý Sơn	33	3	7	8	8	7	1.584	825	759	75	69	175	161	200	184	200	184	175	161
I	Nhu cầu vốn hỗ trợ	6.120	614	1.225	1.528	1.528	1.225	293.760	153.000	140.760	15.350	14.122	30.625	28.175	38.200	35.144	38.200	35.144	30.625	28.175
II	(0,5% vốn vay)							765,00	765,00		76,75		153,13		191,00		191,00		153,13	
	(I+II)							294.525	153.765	140.760	15.427	14.122	30.778	28.175	38.391	35.144	38.391	35.144	30.778	28.175

Phụ lục số 02

BẢNG TỔNG HỢP SỐ HỘ THUỘC DIỆN ĐƯỢC HỖ TRỢ NHÀ Ở ĐĂNG KÝ VAY VỐN LÀM NHÀ Ở

(Ban hành kèm theo Quyết định số 7/QĐ-UBND ngày 07/01/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



TT	Huyện/thành phố	Tổng số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở đăng ký vay vốn làm nhà ở theo quy định tại QĐ số 33/2015/QĐ-TTg	Phân loại đối tượng ưu tiên							Ghi chú
			Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)	Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại khu vực hành chính thuộc vùng khó khăn	Hộ gia đình đang cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP	Hộ gia đình còn lại	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)+(8)+(9)+(10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	HUYỆN BÌNH SON	358	223	3	1	-	21	-	110	-
1	Xã Bình Chánh	8	5				3			
1	Xã Bình Chương	38	24						14	
2	Xã Bình Hiệp	2	2							
3	Xã Bình Hải	-								
4	Xã Bình Khương	16	2						14	
5	Xã Bình An	16	12	3	1					
6	Xã Bình Nguyên	-								
7	Xã Bình Minh	-								
8	Xã Bình Mỹ	65	56						9	
9	Xã Bình Tân	-								
10	Xã Bình Trị	9	9							
11	Xã Bình Phú	32	8						24	
12	Xã Bình Thanh Đông	-								
13	Xã Bình Thanh Tây	24	24							
14	Xã Bình Thạnh	21							21	
15	Xã Bình Thuận	16	16							

TT	Huyện/thành phố	Tổng số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở đăng ký vay vốn làm nhà ở theo quy định tại QĐ số 33/2015/QĐ-TTg	Phân loại đối tượng ưu tiên							Ghi chú
			Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)	Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại khu vực hành chính thuộc vùng khó khăn	Hộ gia đình đang cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP	Hộ gia đình còn lại	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)+(8)+(9)+(10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
16	Xã Bình Thới	8							8	
17	Xã Bình Trung	5	1				4			
18	Xã Bình Long	52	52							
19	Xã Bình Hòa	13	11						2	
20	Xã Bình Dương	1	1							
21	Thị trấn Châu Ô	1							1	
22	Xã Bình Phước	17							17	
23	Xã Bình Châu	-								
24	Xã Bình Đông	14					14			
II	HUYỆN SON TINH	59	1	-	-	11	-	-	47	
1	Xã Tịnh Giang	-								
2	Xã Tịnh Đông	51	1			11			39	
3	Xã Tịnh Minh	-								
4	Xã Tịnh Bắc	-								
5	Xã Tịnh Hiệp	-								
6	Xã Tịnh Trà	-								
7	Xã Tịnh Bình	-								
8	Xã Tịnh Thọ	8							8	
9	Xã Tịnh Sơn	-								
10	Xã Tịnh Hà	-								
11	Xã Tịnh Phong	-								

TT	Huyện/thành phố	Tổng số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở đăng ký vay vốn làm nhà ở theo quy định tại QĐ số 33/2015/QĐ-TTg	Phân loại đối tượng ưu tiên							Hộ gia đình còn lại	Ghi chú
			Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)	Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại khu vực hành chính thuộc vùng khó khăn	Hộ gia đình đang cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP			
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)+(8)+(9)+(10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
III	T. PHỐ QUẢNG NGÃI	185	-	-	-	-	-	-	185		
1	Xã Tịnh An	8							8		
2	Xã Tịnh Ấn Đông	3							3		
3	Xã Tịnh Ấn Tây	2							2		
4	Xã Nghĩa Đồng	11							11		
	Xã Nghĩa Dũng	2							2		
5	Xã Nghĩa An	37							37		
6	Xã Tịnh Long	6							6		
7	Xã Nghĩa Hà	26							26		
	Xã Tịnh Châu	3							3		
8	Xã Tịnh Khê	18							18		
	Xã Tịnh Kỳ	14							14		
9	Xã Tịnh Thiện	10							10		
10	Xã Tịnh Hòa	40							40		
11	Xã Nghĩa Phú	5							5		
IV	HUYỆN TƯ NGHĨA	477	91	91	2	-	-	-	293	-	
1	Xã Nghĩa Thương	15	7						8		
2	Xã Nghĩa Sơn	16	1	3					12		
3	Xã Nghĩa Hiệp	60	1						59		
4	Xã Nghĩa Thắng	33	14		2				17		
5	Xã Nghĩa Kỳ	67	14						53		

TT	Huyện/thành phố	Tổng số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở đăng ký vay vốn làm nhà ở theo quy định tại QĐ số 33/2015/QĐ-TTg	Phân loại đối tượng ưu tiên							Ghi chú
			Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)	Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại khu vực hành chính thuộc vùng khó khăn	Hộ gia đình đang cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP	Hộ gia đình còn lại	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)+(8)+(9)+(10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
6	Xã Nghĩa Thuận	20	1						19	
7	Xã Nghĩa Điền	31	8						23	
8	Xã Nghĩa Trung	17	4						13	
9	Xã Nghĩa Thọ	113	9	88					16	
10	Xã Nghĩa Hòa	26	20						6	
11	Xã Nghĩa Phương	9							9	
12	Xã Nghĩa Mỹ	23							23	
13	Thị trấn La Hà	16	8						8	
14	Thị trấn Sông Vệ	4							4	
15	Xã Nghĩa Lâm	27	4						23	
V	HUYỆN MỘ ĐỨC	205	41	7	-	-	4	-	153	-
1	Xã Đức Hiệp	-								
2	Xã Đức Hoà	-								
3	Xã Đức Chánh	-								
4	Xã Đức Lâm	42	11						31	
5	Xã Đức Minh	-								
6	Xã Đức Phong	4					4			
7	Xã Đức Phú	36	23	7					6	
8	Xã Đức Tân	16	6						10	
9	Xã Đức Thắng	-								
10	Xã Đức Thạnh	11							11	
11	Xã Đức Lợi	-								

TT	Huyện/thành phố	Tổng số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở đăng ký vay vốn làm nhà ở theo quy định tại QĐ số 33/2015/QĐ-TTg	Phân loại đối tượng ưu tiên							Ghi chú
			Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)	Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại khu vực hành chính thuộc vùng khó khăn	Hộ gia đình đang cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP	Hộ gia đình còn lại	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)+(8)+(9)+(10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
12	Xã Đức Nhuận	95							95	
13	Thị trấn Mộ Đức	1	1							
VI	HUYỆN ĐỨC PHỐ	39	14	-	-	-	8	-	17	
1	Xã Phò Châu	-								
2	Xã Phò Thạnh	2					2			
3	Xã Phò Khánh	-								
4	Xã Phò Cường	-								
5	Xã Phò Hoà	-								
6	Xã Phò Vinh	10	4				6			
7	Xã Phò Nhơn	-								
8	Xã Phò Phong	-								
9	Xã Phò Thuận	10	1						9	
10	Xã Phò Văn	-								
11	Xã Phò An	-								
12	Xã Phò Quang	-								
13	Xã Phò Minh	-								
14	Xã Phò Ninh	8	3						5	
15	Thị trấn Đức Phò	9	6						3	
VII	HUYỆN NGHĨA HÀNH	250	82	59	27	1	-	-	81	
1	Xã Hành Tín Đông	34		31	2	1				
2	Xã Hành Tín Tây	44	3	28	8				5	

TT	Huyện/thành phố	Tổng số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở đăng ký vay vốn làm nhà ở theo quy định tại QĐ số 33/2015/QĐ-TTg	Phân loại đối tượng ưu tiên							Ghi chú
			Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)	Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại khu vực hành chính thuộc vùng khó khăn	Hộ gia đình đang cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP	Hộ gia đình còn lại	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)+(8)+(9)+(10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
3	Xã Hành Thiện	7	2		2					3
4	Xã Hành Thịnh	13	13							
5	Xã Hành Phước	10	4		6					
6	Xã Hành Trung	16	16							
7	Xã Hành Đức	47								47
8	Xã Hành Minh	24	14		9					1
9	Xã Hành Nhân	21								21
10	Thị Trấn Chợ Chùa	-								
11	Xã Hành Dũng	4								4
12	Xã Hành Thuận	30	30							
VIII	HUYỆN MINH	141	4	95	-	-	28	14	-	
1	Xã Long Mai	46		33				13		
2	Xã Long Sơn	17		17						
3	Xã Long Hiệp	39		11			28			
4	Xã Thanh An	32	4	27				1		
5	Xã Long Môn	7		7						
IX	HUYỆN SƠN HÀ	688	24	535	19	79	6	25	-	
1	Sơn Hạ	-								
2	Sơn Thành	87		81		1	5			
3	Sơn Nham	-								
4	Sơn Cao	93				68		25		
5	Sơn Linh	129		120	9					

TT	Huyện/thành phố	Tổng số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở đăng ký vay vốn làm nhà ở theo quy định tại QĐ số 33/2015/QĐ-TTg	Phân loại đối tượng ưu tiên							Ghi chú
			Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)	Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại khu vực hành chính thuộc vùng khó khăn	Hộ gia đình đang cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP	Hộ gia đình còn lại	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)+(8)+(9)+(10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
6	Sơn Giang	48	6	39	1	2				
7	Sơn Hải	38	8	29			1			
8	Sơn Thủy	138	1	134		3				
9	Sơn Kỳ	9		9						
10	Sơn Ba	24	1	23						
11	Sơn Bao	4				4				
12	Sơn Thượng	-								
13	Sơn Trung	42	8	33		1				
14	TT Di Lăng	76		67	9					
X	HUYỆN SƠN TÂY	226	10	215	-	1	-	-	-	-
1	Xã Sơn Dung	63		63						
2	Xã Sơn Long	10		9		1				
3	Xã Sơn Mùa	33		33						
4	Xã Sơn Liên	16		16						
5	Xã Sơn Bua	34	4	30						
6	Xã Sơn Mâu	6		6						
7	Xã Sơn Tân	45	3	42						
8	Xã Sơn Lập	12		12						
9	Xã Sơn Tinh	7	3	4						
XI	HUYỆN TRÀ BÔNG	944	61	812	-	25	16	30	-	-
1	TT Trà Xuân	48	36	3		9				
2	Xã Trà Phú	49	13	1		7	16	12		

TT	Huyện/thành phố	Tổng số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở đăng ký vay vốn làm nhà ở theo quy định tại QĐ số 33/2015/QĐ-TTg	Phân loại đối tượng ưu tiên							Ghi chú
			Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)	Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại khu vực hành chính thuộc vùng khó khăn	Hộ gia đình đang cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP	Hộ gia đình còn lại	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)+(8)+(9)+(10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
3	Xã Trà Bình	25				7		18		
4	Xã Trà Sơn	137		137						
5	Xã Trà Thủy	138		138						
6	Xã Trà Giang	18		16		2				
7	Xã Trà Lâm	183	6	177						
8	Xã Trà Hiệp	186		186						
9	Xã Trà Tân	54		54						
10	Xã Trà Bù	106	6	100						
XII	HUYỆN TÂY TRÀ	1.337	8	1.329	-	-	-	-	-	-
1	Xã Trà Thanh	39		39						
2	Xã Trà Xinh	85		85						
3	Xã Trà Thọ	133	6	127						
4	Xã Trà Quán	80		80						
5	Xã Trà Nham	106		106						
6	Xã Trà Khê	144		144						
7	Xã Trà Phong	485		485						
8	Xã Trà Lãnh	233		233						
9	Xã Trà Trung	32	2	30						
XIII	HUYỆN BA TỜ	1.178	153	998	-	18	-	9	-	-
1	Xã Ba Thành	47	3	44						
2	Xã Ba Lễ	85		85						
3	Xã Ba Khâm	50		50						

TT	Huyện/thành phố	Tổng số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở đăng ký vay vốn làm nhà ở theo quy định tại QĐ số 33/2015/QĐ-TTg	Phân loại đối tượng ưu tiên							Ghi chú
			Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)	Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại khu vực hành chính thuộc vùng khó khăn	Hộ gia đình đang cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP	Hộ gia đình còn lại	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)+(8)+(9)+(10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
4	Xã Ba Ngạc	52		49			3			
5	Xã Ba Giang	72	3	69						
6	Xã Ba Nam	27		27						
7	Xã Ba Vinh	56		56						
8	Xã Ba Liên	26		26						
9	Xã Ba Bích	2		2						
10	Xã Ba Trang	150		150						
11	Xã Ba Vì	108	67	41						
12	Xã Ba Động	29	16			13				
13	Thị trấn Ba Tơ	45	13	23				9		
14	Xã Ba Chùa	49	15	34						
15	Xã Ba Đình	54		54						
16	Xã Ba Tiêu	37		37						
17	Xã Ba Cung	3		3						
18	Xã Ba Điền	10		10						
19	Xã Ba Tô	139	32	105		2				
20	Xã Ba Xa	137	4	133						
XIV	HUYỆN LÝ SON	33	-	-	-	-	33	-	-	
1	Xã An Vinh	-								
2	Xã An Hải	33					33			
3	Xã An Bình	-								
	TỔNG CỘNG	6.120	712	4.144	49	135	116	78	886	

TT	Huyện/thành phố	Tổng số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở đăng ký vay vốn làm nhà ở theo quy định tại QĐ số 33/2015/QĐ-TTg	Phân loại đối tượng ưu tiên							Ghi chú
			Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)	Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại khu vực hành chính thuộc vùng khó khăn	Hộ gia đình đang cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP	Hộ gia đình còn lại	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)+(8)+(9)+(10)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)